

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH A

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh
Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về
việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số:
01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A - sinh năm 1990.

ĐKKHKT: khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Đặng Nguyễn Tùng L - sinh năm 1990.

ĐKKHKT: khu 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình
bày: chị và anh Đặng Nguyễn Tùng L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày
18/02/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết
hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó, năm 2018 anh L đi xuất khẩu lao
động tại Đài Loan. Từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu
thuẫn không giải quyết được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ
chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Nguyễn Tùng L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị A tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Chị Nguyễn Thị A trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh L cho Tòa án được. Chị A đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh L ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh L là bà Nguyễn Thị H.

Thân nhân của anh Đặng Nguyễn Tùng L - bà Nguyễn Thị H trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Đặng Nguyễn Tùng L. Anh L hiện nay đang ở nước ngoài (Đài Loan), hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh L qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở chỗ nào tại nước ngoài vì anh L không nói cho bà biết. Do vậy, bà H không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện tại của anh L cho Tòa án được. Bà H cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L biết và được anh L nói lại với bà là anh L đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị A theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Đặng Nguyễn Tùng L. Về con chung; tài sản, công nợ, công sức: không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A nộp đơn xin ly hôn anh Đặng Nguyễn Tùng L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị A trình bày hiện nay anh L

đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 11330/QLXNC-P3 ngày 29/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an đã xác nhận: “*Đặng Nguyễn Tùng L, sinh ngày 25/8/1990, đã xuất cảnh ngày 10/01/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này anh L không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị A đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A, anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A và anh Đặng Nguyễn Tùng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh A vào ngày 18/02/2014. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị A và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị A và anh L hiện đã không còn tình cảm, không có sự quan tâm chia sẻ cùng với nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị A được chấp nhận.

Chị A đề nghị xin ly hôn với anh L và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh L tại Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua thân nhân của anh L là bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh L) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh L biết, yêu cầu anh L cung cấp địa chỉ hiện nay nhưng anh L không cung cấp nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở đâu tại nước ngoài. Như vậy, anh L đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Đặng Nguyễn Tùng L.

[2] Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000191 ngày 11/6/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Đặng Nguyễn Tùng L là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Ngọc Tuấn

